

## THÔNG BÁO

### Về việc xét tuyển đại học chính quy năm 2024 theo kết quả học bạ THPT và xét tuyển kết hợp (Mã tuyển sinh GHA, tuyển sinh và đào tạo tại Hà Nội)

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-ĐHGTVT ngày 04/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 314/TB-ĐHGTVT ngày 12/04/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ kế hoạch công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của Trường Đại học Giao thông vận tải.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo xét tuyển đại học chính quy năm 2024 theo kết quả học bạ THPT và xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS với điểm học bạ THPT (mã tuyển sinh GHA) tuyển sinh và đào tạo tại Hà Nội như sau:

#### 1. Điều kiện xét tuyển:

##### 1.1. Đối với xét tuyển theo kết quả học bạ THPT:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc sẽ tốt nghiệp THPT năm 2024 có tổng điểm **ba môn học** bậc THPT trong 01 tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình cả năm lớp 10 + điểm trung bình cả năm lớp 11 + điểm trung bình cả năm lớp 12) + điểm ưu tiên (nếu có) từ **ngưỡng điểm** được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trở lên (theo bảng tại **mục 7** của văn bản này). Chi tiết cách tính tổng điểm xét tuyển xem tại **mục 2**.

Với thí sinh dùng tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh có thể sử dụng chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên (còn hiệu lực đến ngày **12/8/2024**) thay thế cho điểm học bạ môn tiếng Anh, được quy đổi theo quy định của Nhà trường (theo bảng tại **mục 6** của văn bản này) và dùng cách tính tổng điểm xét tuyển như **mục 2.2**.

##### Lưu ý:

- **Điểm trung bình cả năm của ba môn trong tổ hợp xét tuyển, không có điểm môn nào (xét từng năm) dưới 5.5 điểm.**

##### 1.2. Đối với xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS với điểm học bạ THPT:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc sẽ tốt nghiệp THPT năm 2024 có tổng điểm **hai môn học** bậc THPT: môn Toán và môn Lý/Hóa/Văn (điểm trung bình cả năm lớp 10 + điểm trung bình cả năm lớp 11 + điểm trung bình cả năm lớp 12) và điểm quy đổi của chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ **5.0** trở lên, còn hiệu lực đến **12/8/2024** (theo bảng quy đổi tại **mục 6** của văn bản này) + điểm ưu tiên (nếu có) từ **ngưỡng điểm** được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trở lên (theo bảng tại **mục 7** của văn bản này).

Chi tiết cách tính tổng điểm xét tuyển xem tại **mục 2**.

**Lưu ý:**

- Điểm trung bình cả năm của hai môn trong tổ hợp xét tuyển, không có điểm môn nào (xét từng năm) dưới 5.5 điểm và tổng điểm 2 môn phải đạt từ 15.00 điểm trở lên.

**2. Cách tính tổng điểm xét tuyển**

**2.1. Cách tính tổng điểm xét tuyển trong xét tuyển học bạ:** Ví dụ với thí sinh chọn tổ hợp A00

Điểm môn 1 (môn Toán) = (Điểm TB môn Toán cả năm lớp 10 + Điểm TB môn Toán cả năm lớp 11 + Điểm TB môn Toán cả năm lớp 12)/3;

Điểm môn 2 (môn Lý) = (Điểm TB môn Lý cả năm lớp 10 + Điểm TB môn Lý cả năm lớp 11 + Điểm TB môn Lý cả năm lớp 12)/3;

Điểm môn 3 (môn Hoá) = (Điểm TB môn Hoá cả năm lớp 10 + Điểm TB môn Hoá cả năm lớp 11 + Điểm TB môn Hoá cả năm lớp 12)/3;

Tổng điểm xét tuyển = Điểm môn 1+Điểm môn 2+Điểm môn 3+Điểm ưu tiên (nếu có);

**2.2. Cách tính tổng điểm xét tuyển trong xét tuyển kết hợp:** Ví dụ với thí sinh chọn tổ hợp TLI

- Cách tính điểm môn Toán và môn Lý như mục 2.1.

- Tổng điểm xét tuyển = (Điểm môn 1+Điểm môn 2+ Điểm tiếng Anh quy đổi từ chứng chỉ IELTS nhân hệ số 2)x30/40 + Điểm ưu tiên (nếu có);

**2.3. Cách tính điểm ưu tiên:** Điểm ưu tiên được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Điều 7).

***Ví dụ:***

Một thí sinh ở khu vực ưu tiên 2 (KV2, điểm ưu tiên tối đa là 0.25đ) và thuộc đối tượng ưu tiên 06 (ĐTUT06, điểm ưu tiên tối đa là 1đ) có điểm môn Toán 8.5; môn Lý 9.0 và IELTS 6.0 (quy đổi được 9.0 điểm tiếng Anh) sẽ có tổng điểm thang 40 như sau:

$$A = 8.5 + 9.0 + 9.0 \times 2 = 35.5;$$

Quy đổi tổng điểm thang 40 (A) về thang điểm 30 (B):  $B = 35.5 \times 30/40 = 26.625$

Điểm ưu tiên khu vực KV2 :  $[(30 - 26.625)/7.5] \times 0.25 = 0.1125$

Điểm ưu tiên đối tượng 01:  $[(30 - 26.625)/7.5] \times 1 = 0.45$

Vậy tổng điểm xét tuyển của TS là:  $ĐXT = 26.625 + 0.1125 + 0.45 = 27.1875$

(làm tròn bằng 27.19);

- Hướng dẫn cách tính tổng điểm xét tuyển xem tại website: [tuyensinh.utc.edu.vn](http://tuyensinh.utc.edu.vn).

**3. Thời gian đăng ký xét tuyển:**

- Đợt 1: Từ 28/5/2024 đến 16/06/2024;

- Đợt 2: Thông báo sau (nếu còn chỉ tiêu).

**4. Cách nộp hồ sơ xét tuyển:**

**Bước 1:** Thí sinh chụp ảnh hoặc scan các tài liệu sau (để đính kèm khi khai online ở bước 2):

- Học bạ THPT (scan bản học bạ gốc hoặc bản sao công chứng hoặc học bạ điện tử);

- Các giấy tờ chứng minh được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có);

- Chứng chỉ tiếng Anh IELTS (scan bản gốc của chứng chỉ);

**Bước 2:** Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại website: [xettuyen.utc.edu.vn](http://xettuyen.utc.edu.vn).

**Bước 3:** Nộp lệ phí đăng ký xét tuyển (Thực hiện ngay sau khi kết thúc bước 2. Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/1 nguyện vọng.

**Lưu ý:** Thí sinh xem hướng dẫn cách thực hiện đăng ký xét tuyển trên website: [tuyensinh.utc.edu.vn](http://tuyensinh.utc.edu.vn)

**5. Điều chỉnh nguyện vọng, đính chính thông tin:** Trong vòng **24 giờ** tính từ thời điểm ĐĂNG KÝ THÀNH CÔNG, thí sinh có thể điều chỉnh nguyện vọng trực tuyến (**không tăng thêm** số lượng nguyện vọng so với lần ĐĂNG KÝ ĐẦU TIÊN), bổ sung hoặc đính chính thông tin nếu phát hiện sai sót.

**6. Bảng quy đổi điểm từ chứng chỉ ngoại ngữ IELTS**

TT	Điểm IELTS	Quy đổi sang điểm tiếng Anh để xét tuyển đại học
1	5.0	8.0
2	5.5	8.5
3	6.0	9.0
4	6.5	9.5
5	Từ 7.0 trở lên	10.0

**7. Chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển, ngưỡng điểm được phép nộp đăng ký xét tuyển (ĐKXT):**

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT
<b>1. Xét tuyển học bạ</b>					
<b>1.1. Các chương trình chuẩn</b>					
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; D07	30	21.00
2	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; D07	30	21.00
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; D07	15	21.00
4	Kinh tế	7310101	A00; A01; D01; D07	25	21.00
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00; A01; D01; D07	30	21.00
6	Khai thác vận tải	7840101	A00; A01; D01; D07	60	21.00
7	Kinh tế vận tải	7840104	A00; A01; D01; D07	60	21.00
8	Kinh tế xây dựng	7580301	A00; A01; D01; D07	50	21.00
9	Quản lý xây dựng	7580302	A00; A01; D01; D07	25	21.00
10	Quản lý đô thị và công trình	7580106	A00; A01; D01; D07	20	19.50
11	Toán ứng dụng	7460112	A00; A01; D01; D07	25	19.50
12	Công nghệ kỹ thuật giao thông	7510104	A00; A01; D01; D07	20	19.50
13	Kỹ thuật môi trường	7520320	A00; B00; D01; D07	20	19.50
14	Kỹ thuật cơ khí	7520103	A00; A01; D01; D07	45	21.00
15	Kỹ thuật nhiệt	7520115	A00; A01; D01; D07	25	21.00
16	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	A00; A01; D01; D07	60	19.50
17	Kỹ thuật điện	7520201	A00; A01; D07	25	21.00
18	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00; A01; D07	45	21.00

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT
19	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo	7520218	A00; A01; D01; D07	15	21.00
20	Hệ thống giao thông thông minh	7520219	A00; A01; D01; D07	20	21.00
21	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00; A01; D01; D07	80	19.50
22	Kiến trúc	7580101	A00; A01; V00; V01	20	18.00
23	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	A00; A01; D01; D07	20	18.00
24	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	A00; A01; D01; D07	15	18.00
25	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A00; A01; D01; D07	175	18.00
26	Kỹ thuật máy tính	7480106	A00; A01; D07	10	19.50

### 1.2. Các chương trình tiên tiến, chất lượng cao

1	Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh)	7340101 QT	A00; A01; D01; D07	15	21.00
2	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh)	7340301 QT	A00; A01; D01; D07	35	21.00
3	Công nghệ thông tin (Chương trình chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh)	7480201 QT	A00; A01; D01; D07	20	21.00
4	Kỹ thuật cơ khí (Chương trình chất lượng cao Cơ khí ô tô Việt - Anh)	7520103 QT	A00; A01; D01; D07	35	21.00
5	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	7580201 QT	A00; A01; D01; D07	15	19.50
6	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (gồm các Chương trình chất lượng cao: Cầu - Đường bộ Việt - Pháp, Việt - Anh; Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật)	7580205 QT	A00; A01; D01/D03; D07	20	19.50
7	Kinh tế xây dựng (Chương trình chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình Giao thông Việt - Anh)	7580301 QT	A00; A01; D01; D07	15	21.00
8	Quản lý xây dựng (Chương trình chất lượng cao Quản lý xây dựng Việt - Anh)	7580302 QT	A00; A01; D01; D07	10	19.50

### 1.3. Các chương trình liên kết quốc tế, do trường đối tác cấp bằng, có thông báo tuyển sinh riêng

1	Chương trình liên kết quốc tế Ngành Quản lý xây dựng (Đại học Bedfordshire - Vương Quốc Anh cấp bằng, Học hoàn toàn bằng tiếng Anh)	7580302 LK	A00, A01, D01, D07	15	18.00
---	---	---------------	-----------------------	----	-------

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT
2	Chương trình liên kết quốc tế Ngành Quản trị kinh doanh (Đại học EM Normandie - Cộng hoà Pháp cấp bằng, Học hoàn toàn bằng tiếng Anh)	7340101 LK	A00, A01, D01, D07	15	18.00
3	Chương trình liên kết quốc tế Công nghệ Cầu - Đường sắt tốc độ cao (Đại học Dongyang - Hàn Quốc cấp bằng, học bằng tiếng Anh và tiếng Hàn Quốc)	7580205 LK	A00, A01, D01, D07	15	18.00
<b>2. Xét tuyển kết hợp</b>					
1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	TLI, THI, TVI	10	25.00
2	Khoa học máy tính	7480101	TLI, THI	10	24.00
3	Công nghệ thông tin	7480201	TLI, THI	20	25.00
4	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	TLI, THI, TVI	15	24.00
5	Kỹ thuật ô tô	7520130	TLI, THI, TVI	20	24.00
6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	TLI, THI	10	24.00

**- Tổ hợp xét tuyển:**

**A00:** Toán, Vật lí, Hóa học      **D07:** Toán, Hóa học, Tiếng Anh  
**A01:** Toán, Vật lí, Tiếng Anh      **D01:** Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh  
**D03:** Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp      **B00:** Toán, Hóa học, Sinh học  
**TLI:** Toán, Vật lí, IELTS      **THI:** Toán, Hóa học, IELTS  
**TVI:** Toán, Ngữ văn, IELTS

**- Tiêu chí phụ:** Trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng ngưỡng điểm trúng tuyển thì ưu tiên thí sinh có điểm Toán cao hơn.

**8. Công bố kết quả xét tuyển:** Dự kiến ngày 25/6/2024, Nhà trường công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

**9. Đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

Từ ngày 18/7/2024 đến 17h ngày 30/7/2024, thí sinh diện đủ điều kiện trúng tuyển **phải đăng ký lại nguyện vọng** (đã được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ hoặc xét tuyển kết hợp) trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định, thí sinh không đăng ký coi như từ chối kết quả đủ điều kiện trúng tuyển.

**10. Xác nhận nhập học và nhập học:**

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến vào cuối tháng 8 năm 2024 thí sinh trúng tuyển sẽ xác nhận nhập học và nhập học, Nhà trường sẽ có thông báo và hướng dẫn chi tiết sau.

## **11. Thông tin liên hệ:**

- Điện thoại: 02437606352
- Website: [tuyensinh.utc.edu.vn](http://tuyensinh.utc.edu.vn)
- Email: [tuyensinh@utc.edu.vn](mailto:tuyensinh@utc.edu.vn)
- Fanpage: <https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiai/>
- **Với 3 chương trình Liên kết quốc tế:**
  - + Thí sinh liên hệ tư vấn tuyển sinh: <http://tinyurl.com/TSLKQT2024>
  - + Nộp hồ sơ tại: Khoa Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải
  - + Địa chỉ: Phòng 303, Nhà B3, Số 03 Cầu Giấy, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
  - + Website: [ined.utc.edu.vn](http://ined.utc.edu.vn) + <https://www.facebook.com/inedutc>
  - + Hotline: 0915.96.55.41; 0353.380.835; 0944.50.58.68; 0815.55.96.69; 0983.14.02.38; 0988.98.25.26

### ***Nơi nhận:***

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong toàn Trường (để ph/h);
- Các thí sinh (để th/h)
- Lưu: HCTH, KTĐBCLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương**